

Bản án số: 843/2025/DS-ST
Ngày: 30-5-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Gái;

2. Ông Cao Quốc Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức: Bà Nguyễn Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2567/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3277/2025/QĐXXST - DS ngày 14 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 4161/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**

Địa chỉ: Số B N, phường V, Quận C.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T

(Theo Giấy ủy quyền số 3424/2023/UQ-TGD ngày 10/10/2023)

Bị đơn: **Ông Nguyễn Tấn H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Căn hộ S lầu A, Khối A, Khu nhà ở liền kề và chung cư cao tầng kết hợp thương mại, văn phòng (Chung cư M), số A Đ, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T có đơn xin vắng mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2024, bản tự khai, biên bản làm việc và biên bản hòa giải nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Minh T trình bày:

Ngày 16/11/2015 ông H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.312.173 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 16.683.165 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/4/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 30/5/2025, ông H còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 13.383.348 đồng

- Lãi quá hạn: 21.849.380 đồng

Tổng cộng: 35.232.728 đồng

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tấn H thanh toán nợ gốc và nợ quá hạn tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 35.232.728 (Ba mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi hai ngàn, bảy trăm hai mươi tám) đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Bị đơn – ông Nguyễn Tấn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai tại Tòa.

Tại phiên tòa:

Đại diện Ngân hàng có đơn xin vắng mặt, tại bản tự khai của mình phía Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử là 35.232.728 (Ba mươi lăm

triệu, hai trăm ba mươi hai ngàn, bảy trăm hai mươi tám) đồng, trong đó N gốc: 13.383.348 đồng, L quá hạn: 21.849.380 đồng.

Bị đơn – ông Nguyễn Tấn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S1) tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Tấn H nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Kết quả xác minh tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 3067/2024/QĐ-CCTLCC ngày 10/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thể hiện: “Ông Nguyễn Tấn H, SN: 9/11/1983;... có HKTT và thực tế cư sinh sống tại 13.06 lầu 13, Khối A, Khu nhà ở liền kề và chung cư cao tầng kết hợp thương mại, văn phòng, số A Đ, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh từ 03/2022 - nay”, Theo khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2025, xác định địa chỉ 13.06 lầu 13, Khối A, Khu nhà ở liền kề và chung cư cao tầng kết hợp thương mại, văn phòng, số A Đ, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ cư trú của ông H. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện Ngân hàng cho biết ông H vay tiền Ngân hàng với mục đích tiêu dùng cá nhân, đồng thời Ngân hàng cũng chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân ông H

trả nợ nên xét thấy không cần thiết phải đưa vợ ông H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông H phải trả tiền nợ gốc là 13.383.348 đồng (Mười ba triệu, ba trăm tám mươi ba ngàn, ba trăm bốn mươi tám) đồng như sau:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/11/2015 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng giữa ông H và Ngân hàng TMCP S. Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.312.173 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 16.683.165 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/4/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến nay, ông H còn nợ gốc số tiền là 13.383.348 đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, ông H đã được tổng đạt hợp lệ đến tòa để trình bày lời khai, đối chất và hòa giải về số tiền nêu trên nhưng ông H không đến tòa là không tôn trọng quy định của pháp luật đồng thời tự từ bỏ quyền được trình bày ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét tài liệu do phía Ngân hàng cung cấp. Như vậy Ngân hàng yêu cầu ông H phải thanh toán nợ gốc là 13.383.348 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Xét yêu cầu về tiền lãi: Lãi suất trong hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/11/2015 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng giữa ông H và Ngân hàng TMCP S của Ngân hàng là 1.25%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn, được công bố và áp dụng tại thời điểm điều chỉnh khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất theo quy định

của S1 là đúng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 06/4/2018 nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, từ ngày 06/4/2018 đến ngày 30/5/2025 thì lãi suất nợ quá hạn cụ thể là: 21.849.380 đồng. Do đó, số tiền lãi mà S1 yêu cầu là có cơ sở chấp nhận. Kể từ ngày 31/5/2025 nếu ông H không trả, thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/11/2015.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 121, Điều 122, Điều 342, 343, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S1)

Buộc ông Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S (S1) tổng cộng số tiền tính đến ngày 30/5/2025 là 35.232.728 đồng, trong đó: Nợ gốc: 13.383.348 đồng; Lãi quá hạn: 21.849.380 đồng

Kể từ ngày 31/5/2025 ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 16/11/2015.

Các bên Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.761.636 (một triệu, bảy trăm sáu mươi một ngàn, sáu trăm ba mươi sáu) đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S (S1) là 752.000 (Bảy trăm năm mươi hai ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028622 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Ngân hàng Ngân hàng TMCP S (S1) và ông Nguyễn Tấn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp . HCM;
- VKSND Tp. Thủ Đức Tp . HCM;
- THADS Tp. Thủ Đức, Tp . HCM;
- Các đương sự; (Đã ký)
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hiền